

CTCP VẬN TẢI & TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT (HOSE - PDV)

BÁO CÁO CẬP NHẬT KQKD

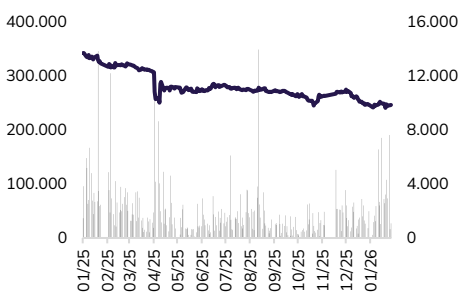
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Vận tải dầu
Ngày báo cáo	: 01/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 9.500
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 739
SLCPĐLH (CP)	: 79.314.926

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025
Tăng trưởng DTT (%)	-16,2%	56,9%
Tăng trưởng LNST (%)	-90,3%	3301,1%
Biên LNG (%)	6,8%	14,2%
Biên LNST (%)	0,4%	7,7%
ROA (%)	0,1%	1,8%
ROE (%)	0,1%	3,9%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,93	0,96
EPS (VND/CP)	18	517
BVPS (VND/CP)	15.117	13.126

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Triển vọng hồi phục nhờ giá cước thuận lợi và mở rộng đội tàu

- **KQKD Q4/2025: Doanh thu và lợi nhuận phục hồi so với cùng kỳ**
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) tăng mạnh lên 529 tỷ đồng (+56,9% svck). Tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ mảng thương mại, cụ thể:
 - (i) Doanh thu thương mại đạt 186 tỷ đồng, tăng mạnh +390% svck và đóng góp 77% tăng trưởng trong quý.
 - (ii) Mảng hoạt động cốt lõi cũng có sự tăng trưởng tích cực, đạt 340 tỷ đồng (+14,9% svck, chiếm 64,2% cơ cấu tổng doanh thu). Các yếu tố đóng góp cho sự tăng trưởng này bao gồm: 1) Có thêm sự đóng góp khai thác của tàu PVT Emerald; 2) Đội tàu của PDV vận hành trở lại bình thường. Trước đó, trong Q4/2024, có 01 tàu phải dừng hoạt động 35 ngày để sửa chữa, làm giảm sản lượng khai thác;
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 75 tỷ đồng (+227,8% svck). Biên lợi nhuận gộp trong quý quay về mức 2 chữ số, đạt 14,2% (+7,4 điểm phần trăm svck), tuy nhiên vẫn thấp hơn mức biên lợi nhuận trong năm 2023 khi chưa bị ảnh hưởng bởi hoạt động sửa chữa.
 - ✓ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (HĐTC) lỗ 13 tỷ đồng (+21,5% svck) do ảnh hưởng bởi tỷ giá. Kết quả LNST của Cổ đông công ty mẹ đạt 41 tỷ đồng, tăng mạnh so với nền thấp 1 tỷ đồng cùng kỳ.
- **Lũy kế cả năm 2025: Doanh thu tăng nhờ mảng thương mại, biên lợi nhuận gộp sụt giảm**
 - ✓ DTT năm 2025 đạt 1.938 tỷ đồng (+38,8% svck). Tuy nhiên, lợi nhuận gộp giảm mạnh xuống còn 168 tỷ đồng (-22,5% svck) do giá vốn hàng bán tăng mạnh. Nguyên nhân làm gia tăng giá vốn trong kỳ là:
 - (i) Giá vốn tăng tương ứng với mở rộng mảng thương mại, phản ánh đặc thù mảng thương mại với biên lợi nhuận thấp;
 - (ii) Tăng chi phí khấu hao lên 186 tỷ đồng (+65,6% svck), chủ yếu do các chi phí sửa chữa tàu định kỳ.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA PDV Q4/2025 & năm 2025

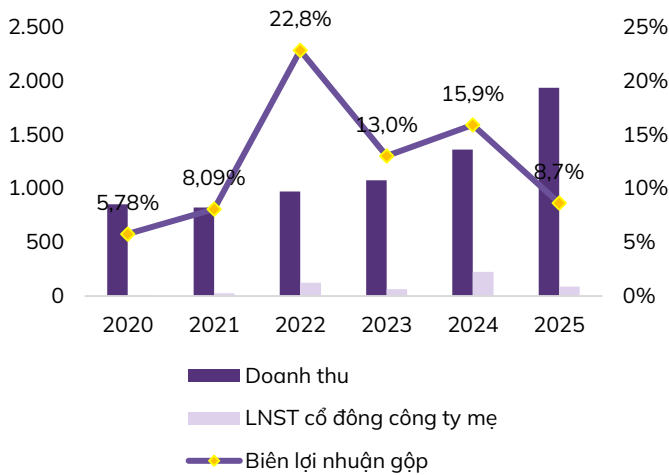
BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	Q4/2024	Q4/2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	337	529	56,9%	1.396	1.938	38,8%
Lợi nhuận gộp	23	75	227,8%	217	168	-22,5%
Biên LN gộp	6,8%	14,2%		15,9%	8,7%	
Chi phí BH & QLDN	-16	-20	20,1%	-54	-61	13,5%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	-4,8%	-3,7%		-3,9%	-3,2%	
Doanh thu tài chính	12	4	-65,6%	29	25	-12,3%
Chi phí tài chính	-23	-17	-24,9%	-64	-68	6,5%
Chi phí lãi vay	-14	-17	17,6%	-45	-63	39,3%
Lợi nhuận tài chính	-11	-13	21,5%	-36	-43	21,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-4	42	n/a	120	71	-41,1%
Thu nhập khác, ròng	8	6	-30,3%	161	40	-74,8%
Lợi nhuận trước thuế	1	50	3383,7%	280	111	-60,4%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	1	41	3303,1%	224	90	-60,1%
Biên LN ròng	0,4%	7,7%		16,1%	4,6%	

Nguồn: PDV, ABS Research

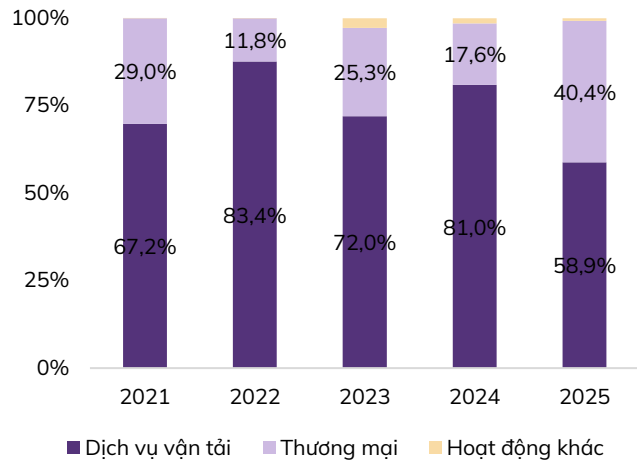
✓ Xét theo cơ cấu doanh thu:

- Mảng vận tải: Doanh thu mảng vận tải tàu hàng rời lũy kế năm 2025 là 1.140 tỷ đồng (+3,3% svck, chiếm 58,8% tổng doanh thu). Mặc dù giá cước tàu dầu thành phẩm trong nửa đầu năm 2025 suy giảm svck và một số tàu phải tạm ngừng khai thác để bảo dưỡng định kỳ, doanh thu của PDV vẫn duy trì ổn định nhờ các yếu tố: (i) giá cước hàng rời trong nửa cuối năm 2025 hồi phục (tăng gần gấp đôi từ đáy tháng 10/2024), hỗ trợ doanh thu mảng hàng rời; (ii) lợi thế từ việc khai thác đội tàu thông qua các hợp đồng và cơ chế khai thác đội tàu tập trung (Womar Tanker Pools) ổn định, hạn chế tác động của biến động giá cước thị trường. Tuy nhiên, biên lợi nhuận mảng này bị ảnh hưởng do chi phí sửa chữa tàu tăng, giảm xuống mức 14,5% (-4,8 điểm phần trăm svck).
- Mảng thương mại hạt nhựa PP: Đây là mảng đóng góp tăng trưởng doanh thu chủ yếu trong năm, đạt 783 tỷ đồng (+227,3% svck, đóng góp 94,6% tăng trưởng doanh thu). Theo đó, tỷ trọng mảng này trong cơ cấu doanh thu tăng mạnh lên 40,4% (+22,9 điểm phần trăm svck). Tuy nhiên, mảng này có biên lợi nhuận gộp rất thấp, chỉ đạt 0,0372%, giảm so với cùng kỳ.
- ✓ HĐTC kém tích cực khi chi phí lãi vay gia tăng, ghi nhận lỗ ròng 43 tỷ đồng (+21,6% svck). Cụ thể, doanh thu tài chính trong kỳ giảm còn 25 tỷ đồng (-12,3% svck). Trong khi đó, chi phí tài chính tăng lên 68 tỷ đồng (+6,5% svck) chủ yếu do chi phí lãi vay tăng mạnh lên 63 tỷ đồng (+39,3% svck).
- ✓ Lợi nhuận từ hoạt động khác trong kỳ đạt 40 tỷ đồng, giảm mạnh 74,8% svck do trong năm 2024 doanh nghiệp ghi nhận khoản thu nhập 154 tỷ đồng từ việc bán tàu chở dầu PVT Synergy.
- ✓ Do không còn thu nhập bất thường, LNST của cổ đông Công ty mẹ trong năm 2025 giảm mạnh svck còn đạt 90 tỷ đồng (-60,1% svck). Biên lợi nhuận ròng đạt 4,6% (-11,5 điểm phần trăm svck). Với kết quả này, PDV đã đạt 114% kế hoạch doanh thu và 102% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Doanh thu, lợi nhuận (tỷ đồng) và biên lợi nhuận gộp (%)



Cơ cấu doanh thu theo mảng (%)

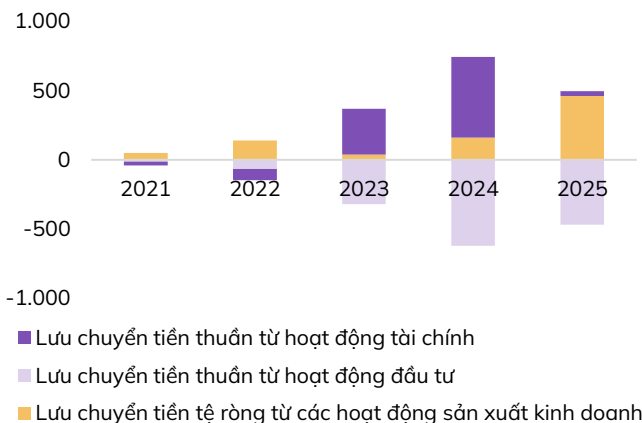


Nguồn: PDV, ABS Research

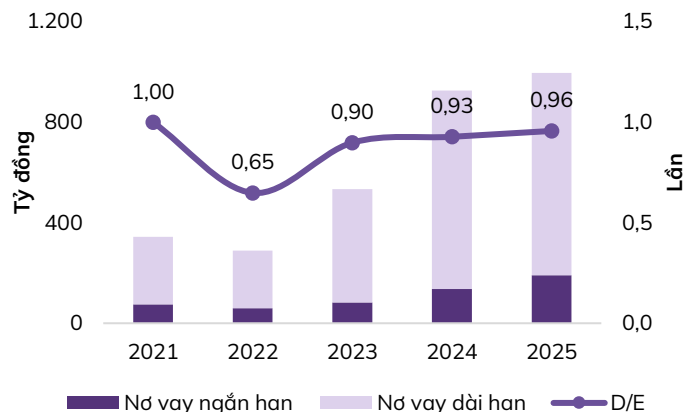
• **Tình hình tài chính tồn tại rủi ro với nợ vay tương đối lớn**

- ✓ **Tiền và tiền gửi ngân hàng suy giảm, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản.** Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của PDV đạt 2.234 tỷ đồng (+3,2% so với đầu năm). Tiền và tiền gửi ngân hàng đạt giá trị là 268 tỷ đồng (-34,8% so với đầu năm, chiếm 12,0% tổng tài sản). Tiền mặt suy giảm có thể cho thấy doanh nghiệp đã sử dụng nguồn tiền để chi trả vốn lưu động, chi phí hoạt động hoặc nghĩa vụ tài chính trong kỳ.
- ✓ **Tài sản cố định của PDV gia tăng.** Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2025 là 1.513 tỷ đồng (+8,9% so với đầu năm, chiếm đến 67,7% tổng tài sản) nhờ đầu tư mới thêm tàu chờ hàng rời PVT Emerald từ tháng 8/2025. Đây là tàu hàng rời Handysize có tải trọng 33.802 DWT. Việc tiếp nhận tàu PVT Emerald giúp nâng tổng số lượng tàu của PVT Logistics lên 10 tàu với tổng trọng tải đội tàu lên hơn 340.000 DWT (+10,9% so với đầu năm 2025).
- ✓ **Nợ vay vẫn đang duy trì ở mức cao.** Nợ vay của PDV tại ngày 31/12/2025 là 995 tỷ đồng (+7,5% so với đầu năm). Trong đó chủ yếu là nợ vay dài hạn 804 tỷ đồng (+1,8% so với số đầu năm). Tỷ lệ nợ vay/Vốn CSH hiện nay là 0,96 lần so với số 0,93 lần đầu năm. Việc duy trì nợ vay ở mức cao khiến PDV đối mặt với các rủi ro về chi phí lãi vay và dòng tiền khai thác. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng mức đòn bẩy này vẫn nằm trong ngưỡng chấp nhận được đối với doanh nghiệp vận tải biển đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng đội tàu, nhưng cần được theo dõi chặt chẽ trong bối cảnh chu kỳ ngành có thể biến động và tiến độ khai thác đội tàu mới đóng vai trò then chốt đối với khả năng tạo dòng tiền.
- ✓ **Dòng tiền từ HĐSXKD trong năm 2025 dương,** chủ yếu nhờ doanh nghiệp chủ động quản lý các khoản phải thu và hàng tồn kho.

Dòng tiền của PDV (Tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản của PDV tại ngày 31/12/2025



Nguồn: PDV, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

Chúng tôi cho rằng doanh thu và lợi nhuận của PDV trong năm 2026 sẽ hồi phục, chủ yếu đến từ sự cải thiện về sản lượng khai thác khi đội tàu vận hành với số ngày khai thác đầy đủ hơn.

- ✓ **Hoạt động đội tàu kỳ vọng ổn định trở lại, đóng góp bổ sung từ tàu mới.**
 - Sau giai đoạn bị gián đoạn do sửa chữa kéo dài trong năm 2025, đội tàu của PDV được kỳ vọng quay lại khai thác ổn định, qua đó gia tăng số ngày khai thác và cải thiện hiệu suất sử dụng đội tàu so với cùng kỳ.
 - Bên cạnh đó, việc bổ sung tàu hàng rời PVT Emerald dự kiến giúp nâng công suất đội tàu hàng rời khoảng 15%, hỗ trợ tăng trưởng sản lượng vận tải.
- ✓ **Giá cước vận tải neo cao có thể hỗ trợ gia tăng mặt bằng giá cước của PDV**
 - Giá cước tàu hàng rời (chiếm 50% đội tàu PDV) kỳ vọng đi ngang. Hiện nay, chỉ số giá cước tàu hàng rời Baltic Exchange Dry Index đang ở mức 2.001 (+36,5% svck). Chúng tôi kỳ vọng giá cước hàng rời trong năm 2026 sẽ neo ở mức hiện tại nhờ: 1) nhu cầu vận chuyển nhóm hàng thiết yếu như than nhiệt, ngũ cốc, phân bón tăng ổn định; 2) các yếu tố địa chính trị, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và kéo dài quãng đường vận chuyển, qua đó gia tăng nhu cầu vận tải và hỗ trợ mặt bằng giá cước. Tuy nhiên, theo BIMCO, trong dài hạn, thị trường vẫn tiềm ẩn rủi ro do nguồn cung tàu có xu hướng tăng nhanh hơn cầu.
 - Giá cước tàu chở dầu thành phẩm (chiếm khoảng 50% đội tàu của PDV) trong năm 2026 được kỳ vọng duy trì ở mức cao, tạo nền tảng hỗ trợ mặt bằng giá thuê của PDV. Chỉ số cước tàu chở dầu thành phẩm tại ngày 27/03/2026 là 1.936 (+109% svck), phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ từ cuối năm 2025 và tiếp tục được hỗ trợ bởi các yếu tố địa chính trị, đặc biệt là căng thẳng tại Trung Đông làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung năng lượng và kéo dài quãng đường vận chuyển. Tuy nhiên, do phần lớn đội tàu dầu – hóa chất của PDV được khai thác thông qua Womar Pool và các hợp đồng cho thuê định hạn, mức độ hưởng lợi từ đà tăng của thị trường giao ngay có độ trễ từ 3-6 tháng, và phụ thuộc vào hiệu quả phân bổ tàu trong khi tham gia cơ chế khai thác đội tàu tập trung (pool) cũng như chu kỳ tái ký hợp đồng. Dù vậy, việc mặt bằng giá cước duy trì ở mức cao vẫn tạo điều kiện để giá thuê trong tại các pool và các hợp đồng mới được điều chỉnh tăng, hỗ trợ kết quả kinh doanh PDV.
- ✓ **Chất lượng lợi nhuận dự kiến cải thiện.** Theo kế hoạch kinh doanh sản xuất của công ty, với khoảng 66% doanh thu năm 2026 kế hoạch đến từ dịch vụ vận tải và phần còn lại 33% chủ yếu đến từ hoạt động thương mại. Chúng tôi cho rằng cơ cấu này phản ánh sự cải thiện về chất lượng lợi nhuận, khi tỷ trọng đóng góp từ mảng vận tải là mảng hoạt động cốt lõi có biên lợi nhuận cao hơn được gia tăng.

Chỉ số giá cước hàng rời (BDI)



Nguồn: tradingeconomics.com

Chỉ số giá cước tàu chở dầu thành phẩm (BCTI)



Nguồn: StockQ.org

- ✓ **Công ty tiếp tục có kế hoạch mở rộng đội tàu.** Trong năm 2026, PVT Logistics lên kế hoạch tiếp tục gia tăng quy mô đội tàu thông qua việc đầu tư các tàu chở dầu/hóa chất có tải trọng khoảng 19–26 nghìn DWT, đồng thời bổ sung các tàu hàng rời trong phân khúc 55–75 nghìn DWT. Tổng giá trị đầu tư dự kiến khoảng 139,5 triệu USD (tương đương với ~3.675 tỷ đồng), với cơ cấu tài trợ gồm 30% vốn tự có và 70% vốn vay.
- ✓ **Rủi ro:** Bên cạnh các yếu tố hỗ trợ từ giá cước, PDV vẫn đối mặt với một số rủi ro đáng lưu ý.
 - Rủi ro gia tăng chi phí hoạt động. Chi phí nhiên liệu hiện chiếm khoảng 13–18% giá vốn hàng bán của PDV, do đó biến động giá dầu có thể ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận. Thực tế, trong năm 2022 khi giá dầu đạt đỉnh, chi phí nhiên liệu của Công ty đã tăng 82% so với cùng kỳ. Trong trường hợp giá dầu tiếp tục duy trì ở mức cao, chi phí vận hành có thể gia tăng tương ứng, trong khi khả năng chuyển phần chi phí này vào giá thuê còn hạn chế do đặc thù khai thác thông qua Womar Pool và các hợp đồng định hạn.
 - Rủi ro gia tăng đòn bẩy tài chính. Tỷ lệ đòn bẩy tài chính của PDV dự kiến gia tăng trong năm 2026 do kế hoạch mở rộng đội tàu tương đối lớn. Trong bối cảnh ngành vận tải biển mang tính chu kỳ cao và còn nhiều biến động, việc gia tăng đòn bẩy có thể làm tăng độ nhạy của lợi nhuận đối với diễn biến bất lợi của giá cước và gia tăng áp lực tài chính, ảnh hưởng đến lợi nhuận doanh nghiệp.
- ✓ **Dự phóng KQKD:** ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của ở mức 98 tỷ đồng (+9,8% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 1.240 đ/cp và 14.367 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 7,42x và 0,64x lần. ROE dự kiến đạt 9,0%.

PHỤ LỤC – MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PDV

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	1.077	1.362	1.938	2.293
Giá vốn	-936	-1.145	-1.770	-1.949
Lợi nhuận gộp	140	217	168	345
Doanh thu tài chính	23	29	25	13
Chi phí tài chính	-45	-64	-68	-153
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý	-53	-61	-54	-83
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	65	120	71	123
Lợi nhuận/(lỗ) khác	15	161	40	0
Lợi nhuận trước thuế	80	280	111	123
Lợi nhuận sau thuế	64	224	90	98
LNST cổ đông Công ty mẹ	64	224	90	98

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HĐKD	37	160	461	258
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-320	-621	-468	-549
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	332	582	34	330
LCT thuần trong kỳ	49	121	27	40
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	50	99	221	248
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	99	221	248	288

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,32	1,69	1,50	1,56
Khả năng thanh toán nhanh	0,97	1,41	1,12	1,17
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,68	1,09	0,69	0,71
Khả năng thanh toán lãi vay	1,75	1,30	2,01	1,82
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,45	0,46	0,47	0,42
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,55	0,54	0,53	0,58
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,21	1,17	1,15	1,35

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2023	2024	2025	2026F
Số ngày phải thu	18,37	15,01	15,33	16,80
Số ngày phải trả	38,34	37,40	23,76	19,11
Số ngày tồn kho	7,81	9,06	8,65	9,79

Khả năng sinh lời	2023	2024	2025	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	13,0%	15,9%	8,7%	15,0%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	8,8%	11,2%	6,2%	12,2%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	6,0%	16,5%	4,6%	4,3%
ROE	12,3%	28,2%	8,8%	9,0%
ROA	5,7%	12,9%	4,1%	4,0%
ROIC	9,9%	17,1%	7,1%	10,0%

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	99	221	248	288
+ Đầu tư ngắn hạn	81	190	20	20
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	78	119	168	199
+ Hàng tồn kho	23	34	50	55
+ Tài sản ngắn hạn khác	70	72	98	114
Tài sản ngắn hạn	352	637	583	676
+ Các khoản phải thu dài hạn	15	16	16	19
+ Tài sản cố định	803	1388	1513	1854
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	142	124	122	134
Tài sản dài hạn	960	1528	1651	2007
Tổng tài sản	1.311	2.165	2.234	2.683
+ Vay ngắn hạn	83	136	191	214
+ Phải trả người bán	101	133	97	107
+ Nợ ngắn hạn khác	82	107	101	111
Nợ ngắn hạn	266	376	389	433
+ Vay dài hạn	450	789	804	1.111
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	450	789	804	1.111
Tổng nợ phải trả	717	1.166	1.193	1.543
+ Vốn cổ phần	431	661	793	793
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	66	225	135	233
+ Quỹ khác	98	114	114	114
Vốn chủ sở hữu	594	999	1.041	1.139
Tổng cộng nguồn vốn	1.311	2.165	2.234	2.683

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	10,6%	26,5%	42,2%	18,4%
Tăng trưởng LNST	-16,9%	128,2%	-17,8%	36,0%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-33,9%	181,9%	-46,6%	62,4%
Tăng trưởng EPS	-48,9%	250,2%	-60,1%	9,8%
Tăng trưởng VCSH	33,1%	68,1%	4,2%	9,4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	42,3%	65,1%	3,2%	20,1%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	5,4	5,5	7,9	6,1
P/B	0,8	1,1	0,8	0,7
EV/EBITDA	21,5	9,4	11,5	8,4
EV/Sales	3,8	3,0	2,1	1,8
EPS	1.487	3.394	1.129	1.240
BVPS	13.797	15.117	13.126	14.367

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tu hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây